

Xây dựng tiêu chí đánh giá sự phát triển lời nói mạch lạc của trẻ 5 - 6 tuổi

Lã Thị Bắc Lý¹, Nguyễn Thị Thu Nga², Cao Thị Hồng Nhung³

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
136 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu,
Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: lytb@hnu.edu.vn

² Trường Đại học Thủ Đô
98 phố Dương Quang Hàm, Quan Hoa,
Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: nttnga@daihocthudo.edu.vn

³ Bộ Giáo dục và Đào tạo
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Email: cthnhung@moet.gov.vn

TÓM TẮT: Phát triển lời nói mạch lạc góp phần hình thành, tích lũy và mở rộng vốn hiểu biết, giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh một cách đầy đủ, chính xác hơn. Lời nói không chỉ làm phong phú đời sống tinh thần mà còn có vai trò giao tiếp, là phương tiện giúp trẻ tham gia vào môi trường xã hội. Ngôn ngữ nói chung, lời nói mạch lạc nói riêng là điều kiện cần thiết thúc đẩy tư duy phát triển, chuẩn bị cho trẻ học tập ở trường phổ thông. Để quá trình giáo dục phát triển các hoạt động và sử dụng biện pháp giáo dục phù hợp, sáng tạo thì đánh giá có vai trò rất quan trọng. Đánh giá cung cấp cho giáo viên hiểu mức độ phát triển lời nói mạch lạc cũng như sự tiến bộ của trẻ trong lời nói, từ đó có những tác động sư phạm đối với từng đối tượng trẻ. Bài viết nghiên cứu, xây dựng tiêu chí cụ thể cùng với các biểu hiện làm cơ sở đánh giá sự phát triển lời nói mạch lạc dạng độc thoại cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non.

TỪ KHÓA: Lời nói mạch lạc, tiêu chí, phát triển, đánh giá, trường mầm non.

→ Nhận bài 23/4/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 11/5/2021 → Duyệt đăng 15/12/2021.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nền giáo dục (GD) Việt Nam hướng đến GD nhân cách toàn diện với những kỹ năng lao động tổng hợp, phù hợp với xu thế hội nhập toàn cầu. Cấp học GD mầm non cần chú trọng đến việc tăng cường cho trẻ trải nghiệm, thực hành, tích hợp, lồng ghép các nội dung GD nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, linh hoạt cho trẻ. Chương trình GD mầm non hiện nay “giúp trẻ phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, hình thành những nhân tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ những tiền đề cần thiết cho trẻ vào lớp Một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo và cho việc học tập suốt đời” [1; tr.3]. Phát triển lời nói mạch lạc (LNML) là nội dung không thể thiếu trong phát triển ngôn ngữ nói riêng và phát triển của trẻ mẫu giáo nói chung. Có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò, nội dung, phương pháp, hình thức phát triển LNML cho trẻ mẫu giáo. Tuy nhiên, việc xác định các tiêu chí đánh giá sự phát triển LNML dạng độc thoại cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi vẫn còn khoảng trống. Vì vậy, nghiên cứu và xây dựng tiêu chí đánh giá với các biểu hiện và mức độ cụ thể về phát triển LNML cho trẻ 5 - 6 tuổi là cần thiết.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở xác định tiêu chí đánh giá sự phát triển lời nói mạch lạc

2.1.1. Các khái niệm

- *Chuẩn:* Theo Từ điển tiếng Việt [2] “Chuẩn” là đơn vị được chọn làm mốc để đối chiếu, so sánh; là cái được coi là đúng với quy định hoặc thói quen xã hội; là vật chọn làm mẫu đơn vị đo lường.

- *Tiêu chuẩn:* Theo Từ điển Tâm lý học [3] “Tiêu chuẩn” là dấu hiệu để thực hiện phân loại, định nghĩa, đánh giá một yếu tố, nội dung nào đó. Theo Phó Đức Hòa [4], trên cơ sở tiêu chuẩn để tiến hành phân loại, xác định, đánh giá nội dung, yếu tố nào đó đảm bảo tính khách quan. Như vậy, tiêu chuẩn được hiểu là những dấu hiệu mang tính quy định, phản ánh đúng giá trị, phù hợp, khách quan làm căn cứ cho hoạt động đánh giá đối tượng. Tiêu chuẩn cần đảm bảo đủ độ tin cậy và có tính phân hóa rõ ràng, phù hợp với nội dung đánh giá.

- *Tiêu chí:* Theo Phó Đức Hòa [4], “Tiêu chí” là những dấu hiệu đặc trưng của hoạt động hay đối tượng cụ thể, được sử dụng làm căn cứ để đối chiếu, xác định mức độ kết quả đạt được của đối tượng cần đánh giá. Tiêu chí và chuẩn có mối quan hệ chặt chẽ trong quá trình đánh giá. Nếu như chuẩn là quy định có tính nguyên tắc nhằm đánh giá một nhiệm vụ thì tiêu chí là để đo lường việc thực hiện nhiệm vụ đó. Như vậy, theo chúng tôi, tiêu chí là sự cụ thể hóa của tiêu chuẩn. Trong đánh giá, mỗi tiêu chuẩn cần cụ thể các tiêu chí đánh giá tương ứng. Tiêu chí được đo bằng các chỉ số (biểu hiện). Để xác định tiêu

chí phù hợp, đủ độ tin cậy, người đánh giá cần căn cứ vào dấu hiệu đặc trưng, tiêu biểu cho bản chất của đối tượng.

2.1.2. Lời nói mạch lạc của trẻ 5 - 6 tuổi

Theo Từ điển Khái niệm ngôn ngữ học: “Lời nói là phương tiện giao tiếp ở dạng hiện thực hóa, tức là ở dạng hoạt động, gắn liền với những nội dung cụ thể. Trong giao tiếp người ta chỉ tiếp xúc trực tiếp với các lời nói. Các sản phẩm viết hay nói miệng đều có thể gọi là lời nói” [5]. Xét về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy trong quá trình giao tiếp, tác giả Nguyễn Xuân Khoa [6] bàn về khái niệm và chức năng của lời nói: Đó là quá trình thể hiện tư duy của người nói nhằm mục đích thông báo, truyền đạt thông tin, thể hiện nhu cầu, suy nghĩ, mong muốn, tình cảm, cảm xúc với người nghe.

Lời nói vừa gồm cái chung (ngôn ngữ) lại vừa gồm cả những nét riêng, mang màu sắc của cá nhân (với giọng nói cao hay thấp, mạnh hay yếu, bằng cách diễn đạt thế này thế kia..., miễn sao phù hợp các quy tắc ngôn ngữ và được cộng đồng chấp nhận...) trong ngôn ngữ học gọi là lời nói - kết quả của sự nói năng [7].

Với cách hiểu như vậy, chúng tôi cho rằng: “Lời nói là sản phẩm của hoạt động nói năng, là những diễn ngôn được thực hiện bởi các cá nhân trong các tình huống cụ thể”.

Khái niệm *mạch lạc* được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi nhìn nhận và phân tích “*mạch lạc*” như một đặc trưng của diễn ngôn. Theo tác giả Đinh Hồng Thái [8], “LNML là vấn đề của ngữ pháp văn bản, hoàn toàn không phải của ngữ âm học, từ vựng học hay cú pháp học”.

Bàn về diễn ngôn bao gồm các cuộc hội thoại đời thường đến các truyện kể, bài thơ, bài văn, khúc đoạn lời nói. Diễn ngôn có thể tồn tại dưới hai dạng nói và viết. Một chuỗi các câu nói chỉ trở thành một diễn ngôn khi có tính mạch lạc [9]. Một sự kiện nói trở thành một diễn ngôn cần phải có tính mạch lạc giữa các câu nói của “*người phát*” để giúp “*người nhận*” hiểu được nội dung, ý nghĩ, cảm xúc. Tính *mạch lạc* của diễn ngôn được thể hiện qua yếu tố sau: 1/ Chức năng của lời nói trong tình huống cụ thể. Ví dụ: Các hành động nói như chào, cảm ơn, xin lỗi. Các hành động kể về cảm xúc của bản thân, về một đối tượng hay một sự việc...; 2/ Đối tượng, sự việc được nói đến - hay còn gọi là “*Nghĩa*” của một diễn ngôn; có thể là cảm xúc, thái độ, sự đánh giá của người nói; có thể là quan hệ của người nói đối với người nghe; 3/ Sự kết nối hợp lý của các yếu tố trong một diễn ngôn. Ví dụ như: Kết nối giữa thái độ của người nói với tính chất của sự việc; quan hệ về thời gian, không gian; tập tục và văn hóa địa phương... Với hướng phân tích này, chúng tôi đồng nhất với khái niệm mạch lạc của Diệp Quang Ban [9]: “*Mạch lạc là sự nối kết có tính chất hợp lý về mặt nghĩa và về mặt chức*

năng, được trình bày trong quá trình triển khai một văn bản (như một truyện kể, một cuộc thoại, một bài nói hay bài viết...), nhằm tạo ra những sự nối kết với nhau hơn là sự liên kết câu với câu. Ở đây, các yếu tố: Sự kết nối - tính chất hợp lý - nghĩa - mặt chức năng - những sự kiện kết nối với nhau là những yếu tố cốt lõi của khái niệm “mạch lạc” trong một diễn ngôn.

Trên cơ sở cách hiểu khái niệm “lời nói” và “mạch lạc” như trên, chúng tôi cho rằng: LNML là sản phẩm của hoạt động nói năng, người nói diễn đạt rõ ràng, lưu loát một nội dung/chủ đề nhất định, trong đó có sự kết nối hợp lý về ý nghĩ, cảm xúc, phương thức liên kết câu và bố cục để đạt được sự thông hiểu của người nghe.

2.1.3. Biểu hiện và phân loại lời nói mạch lạc

a. Các biểu hiện LNML

Nội dung: Là thông tin của từng câu khi trẻ nói/kể chuyện phải hướng đến chủ đề; đảm bảo thông tin chính xác và mang đến sự dễ hiểu đối với người nghe.

Diễn đạt: Là sự liên kết chặt chẽ, logic về nội dung giữa các câu nói/kể theo chủ đề của trẻ. Đảm bảo tính logic về thời gian, tính chất quan hệ nguyên nhân - kết quả. Có sự phù hợp giữa nội dung thông tin với mục đích nói và hoàn cảnh nói.

Bố cục: Là sự rõ ràng, hợp lý trong cấu trúc của bài phát biểu/câu chuyện, bao gồm: Mở đầu, triển khai và kết thúc. Ba phần có sự gắn kết, logic chặt chẽ.

Phương thức liên kết câu: Là việc sử dụng linh hoạt các phương tiện liên kết câu như: Phép nối, phép lặp, phép thế.

Phương tiện biểu cảm: Tính biểu cảm bao gồm: âm thanh khi nói và phát triển thính giác, hoàn thiện cơ quan phát âm, luyện thở ngôn ngữ và phát âm theo chính âm, luyện ngữ điệu âm thanh; điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. Có sự phù hợp giữa nội dung thông tin với biểu hiện cảm xúc của người nói.

b. Về phân loại LNML dạng độc thoại [10]:

- *Mô tả:* Miêu tả đặc điểm của đối tượng ở trạng thái tĩnh (đồ dùng, đồ chơi ngoài trời; cây, hoa, lá; bạn cùng chơi, cô giáo...).

- *Kể chuyện:* Trần thuật/kể lại một sự kiện, hoạt động, ý tưởng của trẻ; kể chuyện theo tranh; kể chuyện theo kinh nghiệm; kể chuyện sáng tạo.

- *Nhận xét:* Phát biểu của trẻ nhằm đánh giá, suy luận, giải thích, kết luận về một đối tượng hay chủ đề nào đó.

Tùy thuộc và mục tiêu phát triển LNML và hoạt động GD, giáo viên (GV) lựa chọn hình thức LNML dạng độc thoại để hình thành và phát triển cho trẻ.

2.1.4. Đặc điểm phát triển lời nói mạch lạc của trẻ 5 - 6 tuổi

Về khả năng nói/kể theo chủ đề và phát triển chủ đề

Trẻ 5 - 6 tuổi đã biết tư duy theo trình tự, logic của

vấn đề, diễn tả theo thứ tự của hành động đã diễn ra. Trẻ đã sử dụng các câu tương đối chính xác, ngắn gọn và khi cần thì mở rộng. Với nền tảng về vốn từ, khả năng sử dụng từ trong câu và các loại câu khác nhau, trẻ 5 - 6 tuổi có thể miêu tả đối tượng/sự việc theo một chủ đề nhất định. Trẻ biết trình bày ý tưởng hay kế hoạch hoạt động của nhóm hay bản thân. Trẻ có thể nói/kể lại chuyện theo chủ đề với nhiều hình thức khác nhau như: Kể chuyện theo tranh; miêu tả/kể về một hoạt động/sự kiện đã diễn ra; kể chuyện sáng tạo (tưởng tượng kể chuyện về một hoạt động/sự kiện sắp diễn ra; về một sự vật, hiện tượng trẻ yêu thích...).

Ở lứa tuổi này, đặc trưng của tư duy và trí nhớ là trực quan hình ảnh. Vì vậy, trẻ có khả năng nhớ diễn tiến của hoạt động đã diễn ra và sử dụng khoảng 79 - 146 từ ở câu chuyện theo chủ đề. Trẻ có khả năng suy luận khi diễn đạt lại một nội dung/sự việc. Yếu tố trực quan giúp trẻ mở rộng ý tưởng câu chuyện trên cơ sở phân tích, tổng hợp các hình ảnh, sự kiện, sự việc. Câu chuyện của trẻ thường chủ yếu ở dạng miêu tả, tương thuật với các loại câu đơn, câu ghép khác nhau - đây là hình thức *kể lại chuyện*. Cao hơn, trẻ biết *kể chuyện, lập chuyện* tạo ra một văn bản mới, phức tạp hơn đòi hỏi ở trẻ trí tưởng tượng, sự sáng tạo và cảm xúc ngôn ngữ.

Tuy nhiên, khi mô tả lại bằng lời nói, trẻ vẫn còn hạn chế bởi kĩ năng sử dụng từ trong câu, liên kết câu, sử dụng liên từ chưa thật tốt... Trẻ vẫn bị mắc một số khó khăn làm cản trở sự phát triển ngôn ngữ nói chung và LNML nói riêng như: Thường lặp lại nhiều đại từ “*nó*”, sử dụng nhiều liên ngữ: “*xong là*”, “*thế là*”... Khó khăn khi phát âm một số từ khó như: “*ngênh ngang, loảng xoảng, xuềnh xoảng*...”. Còn có hiện tượng dùng từ sai ý nghĩa hoặc không đúng trật tự các từ trong câu nên đôi lúc trẻ nói chưa đạt được sự thông hiểu của người nghe. Trong câu chuyện, đôi khi trẻ chưa tìm được các từ liên kết thích hợp, dẫn đến diễn đạt chưa mạch lạc, đứt đoạn, rời rạc, không hướng đến chủ đề.

Về khả năng nói/kể theo bố cục và logic

Tư duy logic xuất hiện ở độ tuổi này, vì vậy trẻ 5 - 6 tuổi không chỉ dừng lại nói hai, ba câu mà đã biết biểu đạt ý tưởng của mình theo trình tự diễn biến câu chuyện. Trình tự diễn đạt theo diễn biến của sự kiện/chủ đề thể hiện khả năng biết suy diễn, phân tích, kết luận vấn đề của trẻ. Câu chuyện trẻ kể theo trình tự thời gian (trước - sau); theo trình tự không gian (từ ngoài vào trong hoặc ngược lại); theo tính chất của các chi tiết trong câu chuyện (từ chi tiết chính đến chi tiết phụ).

Trẻ có khả năng nói/kể có bố cục ba phần rõ ràng (mở đầu, triển khai, kết thúc). Phần mở đầu bao quát chung về không gian, thời gian, sự vật, hiện tượng. Phần triển khai nói về tiến trình sự việc, cách giải quyết các tình huống; nêu đặc điểm của đối tượng... Phần kết thúc tổng kết vấn đề. Nội dung nói/kể được trẻ chọn lọc và xây dựng dựa trên các hình ảnh, sự kiện, tình huống cụ

thể của đối tượng.

Về khả năng sử dụng các phương thức liên kết câu

Trẻ 5 - 6 tuổi không chỉ biết nói câu đơn, câu đơn mở rộng mà đã biết dùng các kiểu câu ghép khi nói, trong đó có sử dụng các phương thức liên kết câu. Khi nói về nhu cầu, mong muốn, ý nghĩ của bản thân, trẻ đã có khả năng lập luận, so sánh, phân tích, khái quát vấn đề; biết bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể. Ví dụ: Câu ghép tương phản và phép lặp: *Cô đã nhắc các bạn nhưng các bạn vẫn mất trật tự*; câu ghép điều kiện - kết quả: *Nếu con ngoan thì mẹ sẽ cho con đi siêu thị nhé*; câu ghép mục đích - điều kiện: *Con giúp mẹ để mẹ con đỡ mệt*... Số lượng câu đơn trẻ dùng giảm đi rõ rệt, câu phức hợp tăng lên, trẻ biết sử dụng nối từ, liên từ để diễn đạt ý nghĩ, cảm xúc của mình. Việc trẻ sử dụng các loại câu ghép trong hoạt động ngôn ngữ chứng tỏ tư duy của trẻ đã thay đổi về chất.

Khi nói/kể, trẻ không chỉ dùng ngôn ngữ tình huống mà đã biết dùng ngôn ngữ ngữ cảnh trong giao tiếp, mang tính rõ ràng. Các câu mang tính chất nguyên nhân - hệ quả được dùng trong đánh giá, nhận xét mình và bạn chơi. Trẻ có khả năng sử dụng các phương tiện liên kết câu để tạo ra sự liên kết câu với câu trong một diễn ngôn. Việc liên kết câu được thực hiện bằng nhiều phép liên kết như: phép quy chiếu; phép tinh lược; phép nối; phép thế; phép liên kết từ vựng (phép lặp; dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, gần nghĩa; phối hợp từ ngữ); phép liên tưởng... Tuy nhiên, tư duy ngôn ngữ của trẻ 5 - 6 tuổi chủ yếu ở dạng miêu tả, tương thuật; tự diễn giải vấn đề và phát triển lời nói văn cảnh, nên *các phương thức liên kết câu trẻ thường dùng trong hoạt động nói năng là: phép thế, phép lặp, phép nối*.

Về khả năng sử dụng các phương tiện biểu cảm khi nói/kể

Ở trẻ 5 - 6 tuổi bắt đầu xuất hiện một số từ vựng mới có tính hình ảnh và sắc thái biểu cảm hơn như: “*Nhảy nhót*”, “*đu đưa*”, “*ngo ngoe*”, “*tung tăng*”...; các từ mô phỏng như âm thanh như: “*Lộp bộp*”, “*leng keng*”, “*sảng sặc*”...; các cụm động từ chỉ sắc thái khác nhau của hành động cũng được xuất hiện như: “*Chạy vèo vèo*”, “*chạy lung tung*”, “*chạy vòng quanh*”... Trẻ đã biết sử dụng các từ vựng giàu sắc thái biểu cảm này trong hoạt động nói năng, biết kết hợp giữa lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với cảm xúc khi diễn tả các sự vật, hiện tượng trẻ được trải nghiệm; biết dùng ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh, tình huống và đối tượng giao tiếp.

Trẻ mẫu giáo lớn luôn có nhu cầu được khám phá, tìm tòi, tham gia hoạt động, muốn được kể về những trải nghiệm, hiểu biết, suy nghĩ và chia sẻ những tình cảm, nhận xét, đánh giá của mình. Cảm xúc ngôn ngữ được thể hiện qua ngữ điệu giọng nói, ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, tư thế, điệu bộ khi nói. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.

2.2. Xây dựng các tiêu chí đánh giá phát triển lời nói mạch lạc của trẻ 5 - 6 tuổi

- *Xác định các tiêu chí đánh giá:* Căn cứ vào biểu hiện LNML dạng độc thoại; mức độ phát triển LNML của trẻ 5 - 6 tuổi, chúng tôi xác định có 05 tiêu chí đánh giá sự phát triển LNML, gồm: 1/ Khả năng nói/kể đúng chủ đề; 2/ Khả năng nói/kể logic; 3/ Khả năng nói/kể có bố cục rõ ràng; 4/ Khả năng sử dụng các phương thức liên kết câu khi nói/kể; 5/ Khả năng sử dụng các phương tiện biểu cảm khi nói/kể. Mỗi một tiêu chí thể hiện đặc trưng riêng về LNML dạng độc thoại và ứng với hoạt động mà trẻ thực hiện, thể hiện qua lời nói có thể đo, đếm được.

- *Xác định các biểu hiện cụ thể:* Với mỗi tiêu chí, GV căn cứ vào lời nói/kể cụ thể của trẻ trong các hoạt động ngôn ngữ để đánh giá. Các biểu hiện đảm bảo tính rõ ràng, dễ xác định. Căn cứ đặc điểm phát triển LNML của trẻ 5 - 6 tuổi chúng tôi xác định các biểu hiện LNML dạng độc thoại của trẻ 5 - 6 tuổi của từng tiêu chí như sau (xem Bảng 1).

- *Xác định mức độ biểu hiện/chi báo:* Theo chúng tôi, việc đánh giá LNML dạng độc thoại của trẻ 5 - 6 tuổi với 04 mức độ là phù hợp (Tốt - Khá - Trung bình - Yếu). Việc mô tả các tiêu chí cần thể hiện sự tăng dần mức độ chất lượng lời nói/kể của trẻ, cụ thể như sau (xem Bảng 2).

Bảng 1: Tiêu chí và biểu hiện LNML của trẻ 5 - 6 tuổi

Tiêu chí	Các biểu hiện
1. Khả năng nói/kể đúng chủ đề	- Các câu nói/kể của trẻ đều hướng tới chủ đề. - Nội dung được triển khai đầy đủ, chính xác.
2. Khả năng nói/kể logic	- Các câu nói/kể của trẻ được tiếp nối theo trình tự thời gian. - Các câu nói/kể của trẻ được tiếp nối theo nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả.
3. Khả năng nói/kể có bố cục	- Trẻ nói/kể có bố cục ba phần: Mở đầu, triển khai, kết thúc. - Trẻ nói/kể có sự liên kết giữa các phần của bố cục.
4. Khả năng sử dụng các phương thức liên kết câu khi nói/kể	- Trẻ sử dụng phép lặp khi nói/kể. - Trẻ sử dụng phép nối khi nói/kể. - Trẻ sử dụng phép thế khi nói/kể.
5. Khả năng sử dụng các phương tiện biểu cảm khi nói/kể	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói/kể, ngữ điệu phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. - Trẻ có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi hỏi lại hoặc khi không hiểu người khác nói.

Bảng 2: Mức độ biểu hiện LNML của trẻ 5 - 6 tuổi

Tiêu chí	Các biểu hiện	Mức độ
1. Khả năng nói/kể đúng chủ đề	- Các câu nói/kể của trẻ đều hướng tới chủ đề. - Nội dung được triển khai đầy đủ, phù hợp với chủ đề.	- Mức 1: 80% - 100 % số câu trong lời nói/kể của trẻ hướng đến chủ đề. - Mức 2: 60% - <80% số câu trong lời nói/kể của trẻ hướng đến chủ đề. - Mức 3: 40% - <60 % số câu trong lời nói/kể của trẻ hướng đến chủ đề. - Mức 4: dưới 40% số câu trong lời nói/kể của trẻ hướng đến chủ đề.
2. Khả năng nói/kể logic	- Các câu nói/kể của trẻ được tiếp nối theo trình tự thời gian. - Các câu nói/kể của trẻ được diễn đạt theo quan hệ nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả.	- Mức 1: Các tình tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian; trẻ nói/kể được 3 câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả. - Mức 2: Phần lớn tình tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian; trẻ nói/kể được 2 câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả. - Mức 3: Một vài tình tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian; trẻ nói/kể được 1 câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả. - Mức 4: Các tình tiết không được sắp xếp theo trình tự thời gian; trẻ không nói/kể câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả, điều kiện - hệ quả.
3. Khả năng nói/kể có bố cục	- Trẻ nói/kể có bố cục ba phần: Mở đầu, triển khai, kết thúc. - Trẻ nói/kể có tính logic trong bố cục ba phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.	- Mức 1: Lời trẻ nói/kể có đầy đủ ba phần mở đầu, triển khai, kết thúc; ba phần logic về nội dung. - Mức 2: Lời trẻ nói/kể có 2/3 phần của bố cục (có phần triển khai, kết thúc; hoặc mở đầu, triển khai...) - Mức 3: Lời trẻ nói/kể chỉ có 1/3 phần của bố cục. - Mức 4: Lời trẻ nói/kể không xác định được bố cục.
4. Khả năng sử dụng các phương thức liên kết câu khi nói/kể	- Trẻ sử dụng phép lặp khi nói/kể. - Trẻ sử dụng phép nối khi nói/kể. - Trẻ sử dụng phép thế khi nói/kể.	- Mức 1: Trẻ sử dụng 3 phép liên kết câu khi nói/kể. - Mức 2: Trẻ sử dụng 2 phép liên kết câu khi nói/kể. - Mức 3: Trẻ sử dụng 1 phép liên kết câu khi nói/kể. - Mức 4: Trẻ không sử dụng phép liên kết câu khi nói/kể.
5. Khả năng sử dụng các phương tiện biểu cảm khi nói/kể	- Trẻ điều chỉnh giọng nói/kể, ngữ điệu phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. - Trẻ có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi hỏi lại hoặc khi không hiểu người khác nói.	- Mức 1: Trẻ thường xuyên điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu; thường xuyên có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. - Mức 2: Trẻ phần lớn điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu; phần lớn có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. - Mức 3: Trẻ thỉnh thoảng điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu; thỉnh thoảng có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. - Mức 4: Trẻ không biết điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu; không có biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.

Trong Bảng 2, chúng tôi mô tả 05 tiêu chí với 04 mức độ biểu hiện LNML dựa trên phân tích dấu hiệu, biểu hiện phát triển LNML của trẻ 5 - 6 tuổi. GV có thể dựa theo và cụ thể hóa các bài tập đo trong các hoạt động GD nhằm thu thập các minh chứng khách quan, sát thực làm dữ liệu đánh giá phát triển LNML của trẻ để có những tác động GD phù hợp, cải thiện cũng như nâng cao mức độ phát triển LNML nói riêng và ngôn ngữ nói chung.

3. Kết luận

Bài viết đã xây dựng các tiêu chí đánh giá sự phát triển LNML dạng độc thoại của trẻ 5 - 6 tuổi và mô tả cụ thể các biểu hiện của từng mức độ. GV có thể đánh giá riêng một tiêu chí nào đó về LNML của trẻ. Bảng tiêu chí đánh giá này có ý nghĩa thiết thực trong công tác nghiên cứu trẻ em cũng như đối với thực tiễn GD trẻ trong các cơ sở GD mầm non. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để GV điều chỉnh hoạt động và có các biện pháp tác động phù hợp để đạt hiệu quả cao trong phát triển LNML cho trẻ.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Chương trình Giáo dục Mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2] Nguyễn Như ý, (1998), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Vũ Dũng, (2008), *Từ điển Tâm lý học*, XNB Từ điển Bách khoa.
- [4] Phó Đức Hòa, (2021), *Đánh giá kết quả giáo dục tiểu học*, NXB Đại học Huế.
- [5] Nguyễn Thiện Giáp, (2007), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.164.
- [6] Nguyễn Xuân Khoa, (1999), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Vũ Đức Nghiệu (chủ biên) - Nguyễn Văn Hiệp, (2009), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Đinh Hồng Thái, (2005), *Đôi điều bàn về khái niệm lời nói mạch lạc tuổi mầm non*, Tạp chí Giáo dục, số 107.
- [9] Nguyễn Hòa, (2003), *Phân tích diễn ngôn: Một số lý luận và phương pháp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [10] В.В.Гербова, (2016), *Развитие речи в детском саду: Подготовительная к школе группа*, М.: Мозаика-Синтез, 112с.
- [11] Nguyễn Lộc - Nguyễn Thị Lan Phương, (2016), *Phương pháp, kỹ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

DEFINING CRITERIA FOR ASSESSING THE DEVELOPMENT OF COHERENT SPEECH IN PRESCHOOL CHILDREN AGED FIVE TO SIX YEARS

La Thi Bac Ly¹, Nguyen Thi Thu Nga², Cao Thi Hong Nhung³

¹ Hanoi National University of Education
136 Xuan Thuy, Dich Vong Hau, Cau Giay,
Hanoi, Vietnam
Email: ly/tb@hnue.edu.vn

² Hanoi Metropolitan University
98 Duong Quang Ham, Quan Hoa, Cau Giay,
Ha Noi, Vietnam
Email: nttnga@daihocthudo.edu.vn

³ Ministry of Education and Training
35 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Ha Noi, Vietnam
Email: cthnhung@moet.gov.vn

ABSTRACT: *Developing children's coherent speech contributes to the process of forming, accumulating and broadening their knowledge, helping them perceive the world around them more fully and accurately. Words not only enrich their mental life, but also play a role in communication and are a means to help children participate in the social environment. Language in general and coherent speech in particular are essential conditions to promote developmental thinking as well as prepare children to study in schools. In order to develop children's coherent speech education effectively, in addition to being flexible in the process of organizing activities and using appropriate and creative educational methods, assessment plays a very important role. The assessment process provides teachers with an understanding of a child's level of coherent verbal development as well as their progress in speech, which in turn has pedagogical effects on each child. This article focuses on specific criteria together with the manifestations as a basis of evaluating the development of coherent speech in monologue form for children aged five to six in kindergarten.*

KEYWORDS: Coherent speech, criteria, development, evaluation, preschool.